

Bản án số: 50/2021/DS-PT

Ngày: 15/4/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng

Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yên Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 128/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 2 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị Kim B., sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số 5/D3 khu tập thể trường Đại học A., tổ 9, khóm Đ., phường Đ1., thành phố L., tỉnh An Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà La Thị Kim B.: Ông Lôi Văn Đ2. là Luật sư Văn phòng Luật sư Hùng Đ2. thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt - nhưng vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng H., sinh năm 1984 (Đề nghị xét xử mặt)

2.2. Ông Nguyễn Thanh T., sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Số 10 Dãy 5, khu tập thể trường Đại học A., tổ 9, khóm Đ., phường Đ1., thành phố L., tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà La Thị Kim B..

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết**

vụ án: Bà La Thị Kim B. có tham gia 04 phần hội (tên trên sổ hội là Chị B.) do bà Nguyễn Thị Hồng H. làm chủ. Cụ thể:

- Hội 5.000.000 đồng/ tháng, gồm 15 hội viên, khai ngày 10/12/2018, bà B. tham gia 02 phần, đóng hội được 08 lần (tháng 8/2019) thì vỡ hội. Tổng cộng bà B. đã đóng là 80.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 2 phần x 08 lần khai), sau khi trừ huê hồng 4.000.000 đồng. Tổng cộng bà H. còn nợ bà B. số tiền 76.000.000 đồng.

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 15/9/2018, mãi ngày 15/4/2020, gồm 32 hội viên. Bà B. tham gia 02 phần, đóng hội được 11 lần (tháng 8/2019) thì vỡ hội. Tổng cộng số tiền bà B. đã đóng là 44.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 2 phần x 11 lần khai), sau khi trừ huê hồng 1.600.000 đồng. Tổng cộng bà H. còn nợ bà B. số tiền 42.400.000 đồng.

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 25/9/2018, mãi ngày 25/4/2020, gồm 20 hội viên. Bà B. tham gia 02 phần, đã hót 01 phần và còn lại 01 phần chưa hót. Bà B. đóng hội đến lần thứ 11 (tháng 8/2019) thì vỡ hội.

+ Phần hội đã hót, bà B. còn nợ bà H. 09 lần hội chết là 18.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 09 lần).

+ Phần hội chưa hót, bà B. đã đóng hội tổng cộng 11 lần là 22.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 11 Lần). Sau khi trừ huê hồng 800.000 đồng. Bà H. còn nợ lại bà B. số tiền 21.200.000 đồng.

- Hội 3.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 25/8/2018, mãi ngày 25/7/2020, gồm 24 hội viên. Bà B. tham gia 02 phần, đã hót 01 phần và còn lại 01 phần chưa hót. Bà B. đóng hội đến lần thứ 12 (tháng 8/2019) thì vỡ hội.

+ Phần hội đã hót, bà B. còn nợ bà H. 12 lần hội chết là 36.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 12 lần).

+ Phần hội chưa hót, bà B. đã đóng hội tổng cộng 12 lần là 36.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 12 lần), sau khi trừ huê hồng 1.200.000 đồng. Bà H. còn nợ lại bà B. số tiền 34.800.000 đồng.

Sau khi vỡ hội, bà H. đã trả 12.000.000 đồng (vào các ngày 27/8/2019 và 24/9/2019). Tổng cộng bà H. còn nợ bà B. số tiền 108.400.000 đồng (174.400.000 đồng hội sống – 54.000.000 đồng hội chết – 12.000.000 đồng trả sau khi vỡ hội).

Nay bà B. khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H. và chồng là ông Nguyễn Thanh T. liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền 108.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H. trình bày:** Trước đây bà có làm chủ nhiều dây hội nhưng đã xin ngưng hoạt động từ tháng 8/2019 do không thu được tiền hội chết của các hội viên đã hót trước đó. Đối với bà La Thị Kim B., tổng số

tiền vốn đã đóng là 138.980.000 đồng và nợ lại 54.000.000 đồng hội chết, cụ thể như sau:

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai tháng 9/2018, gồm 20 phần, bà B. tham gia 02 phần, đã đóng được 11 lần, tổng cộng 35.180.000 đồng;

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai tháng 9/2018, bà B. tham gia 02 phần (01 phần chưa hót, 01 phần đã hót), hội chưa hót đóng 11 lần với số tiền 17.320.000 đồng; Hội đã hót còn nợ lại 09 lần là 18.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 09 lần).

- Hội 3.000.000 đồng/tháng, khai tháng 8/2018, bà B. tham gia 02 phần (01 phần chưa hót, 01 phần đã hót), hội chưa hót đóng 12 lần, với số tiền 26.000.000 đồng; Hội đã hót còn nợ lại 12 lần là 36.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 12 lần).

- Hội 5.000.000 đồng/tháng, khai tháng 12/2018, bà B. tham gia 02 phần, đã đóng được 08 lần, tổng cộng 60.480.000 đồng;

Khi sự việc xảy ra bà H. có đến trao đổi với bà B. xin trả vốn. Tuy bà B. không đồng ý nhưng sau đó cũng đã chấp nhận cho bà H. trả được 02 đợt vào ngày 27/8/2019 và 24/9/2019, tổng cộng 12.000.000 đồng. Bà B. có ký xác nhận số tiền nợ hội thực đóng, số tiền hội chết còn lại và 02 lần trả nợ hội (bút lục 29a). Hiện nay, bà H. chỉ còn nợ lại bà B. số tiền 72.980.000 đồng (138.980.000 đồng hội chưa hót thực đóng – 54.000.000 đồng hội đã hót – 12.000.000 đồng trả sau khi vỡ hội).

Bà H. không đồng ý việc ông T. cùng chịu trách nhiệm trả nợ do ông T. không biết. Tuy nhiên khi bà tuyên bố vỡ hội, bà có nhờ ông T. chở đến nhà của các hội viên trong đó có bà B. để bà thương lượng phương thức thanh toán nợ hội. Số tiền chơi hội thu được, bà H. dùng tiêu xài cá nhân, không phục vụ cho đời sống chung của gia đình. Bà H. đồng ý tự mình trả cho bà B. số tiền nợ hội là 72.980.000 đồng nhưng yêu cầu được thỏa thuận thời gian, phương thức thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

*** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T. trình bày:** Ông là chồng của bà H.. Việc bà H. và bà B. chơi hội với nhau ông không biết. Khi bà H. bị vỡ hội, ông có cùng với bà H. đến nhà các hội viên trong đó có bà B. để cho bà H. thương lượng phương thức thanh toán. Ông T. không đồng ý cùng với bà H. chịu trách nhiệm trả nợ do ông không tham gia việc tổ chức hội.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 128/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L. tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Kim B.. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H. và ông Nguyễn Thanh T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà La Thị Kim B. số tiền hội còn nợ là 72.980.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà La Thị Kim B. đối với số tiền 35.420.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/12/2020 bà La Thị Kim B. có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà La Thị Kim B. có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến thay đổi, bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo: Do trước đây bà yêu cầu vốn gốc cộng với lãi hui là vượt quá quy định pháp luật nên nay bà yêu cầu tính lãi trên số vốn gốc còn thiếu theo Nghị định số 19/2019 của chính phủ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H. xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Lôi Văn Đ2 trình bày: Trong quá trình khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà H. và ông T. liên đới trả số tiền 108.400.000 đồng là trong đó đã bao gồm tiền vốn góp cộng với tiền lãi hui. Như vậy có thể khẳng định nguyên đơn đã có yêu cầu tính lãi chứ không phải không yêu cầu như án sơ thẩm đã nhận định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất 10%/12 tháng với thời gian tính từ tháng 8/2019 (thời điểm tuyên bố vỡ hui) đến nay được 20 tháng để tính lãi: 72.980.000 đồng x 10%/12 tháng x 20 tháng = 12.163.000 đồng. Do đó, buộc bà H. cùng ông T. phải trả cho bà B. số tiền 85.143.000 đồng (72.980.000 đồng + 12.163.000 đồng).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ tờ giấy không ghi tiêu đề, không ghi ngày có nội dung yêu cầu trả nợ (Bl: 28, 38) do bà Bách ghi thì số tiền hui gốc còn thiếu lại sau khi đã trả 12.000.000 đồng là 72.980.000 đồng. Án sơ thẩm đã tuyên buộc trả nợ số tiền 72.980.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Về yêu cầu tính lãi, theo đơn khởi kiện thì bà B. có yêu cầu tính lãi trong hui đối với số tiền hui đã góp. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà trình bày chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền hui đã góp còn thiếu lại là 10%/năm từ ngày tuyên bố vỡ hui tháng 8/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên đề nghị chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà La Thị Kim B.; sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất số tiền nợ gốc còn thiếu lại từ ngày tuyên bố vỡ hui tháng 8/2019 đến ngày xét xử với lãi suất là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà La Thị Kim B. kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Bà La Thị Kim B. và bà Nguyễn Thị Hồng H. có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Thanh T., Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Mặc dù các dây hui trong vụ kiện đều mở hui trước thời điểm Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biểu phượng có hiệu lực nhưng thời điểm vỡ hui là tháng 8/2019 khi đó Nghị định này đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về điều khoản chuyển tiếp, cấp sơ thẩm đã áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ để giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà La Thị Kim B.:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà La Thị Kim B. và bà Nguyễn Thị Hồng H. thống nhất bà B. có tham gia chơi hui do bà H. làm chủ, hui khai đến tháng 8/2019 thì bà H. tuyên bố vỡ hui nên bà B. khởi kiện để yêu cầu trả lại số tiền hui đã đóng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hui” là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh T. liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hồng H. trả số tiền nợ hui: Hội đồng xét xử xét thấy, do vi phạm nghĩa vụ nên việc bà B. yêu cầu bà H. trả nợ là có căn cứ. Về phần của ông T., ông không thừa nhận biết việc bà H. làm chủ hui, không thống nhất cùng bà H. liên đới trả lại tiền nợ hui. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của bà B. và bà H. thì bà H. đã làm chủ hui một thời gian dài trước khi vỡ hui. Ngoài ra, theo lời trình bày của ông T., khi bà H. tuyên bố vỡ hui thì ông T. có chở bà H. đến nhà các hui viên để thương lượng thanh toán nợ hui. Điều này chứng tỏ ông T. biết việc bà H. làm chủ hui. Nhận thấy, việc bà H. tổ chức chơi hui cũng vì mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mặc dù bà H. trình bày sử dụng số tiền chơi hui để tiêu xài cá nhân tuy nhiên ngoài lời trình bày này thì không có chứng cứ nào khác chứng minh. Do đó căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cấp sơ thẩm buộc ông T. có trách nhiệm liên đới với bà H. trả số tiền nợ hui là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2.1] Đối với số tiền vốn thực góp của các dây hụi, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bà La Thị Kim B. đã đồng ý, thống nhất số tiền vốn hụi bà đã thực đóng trong 04 dây hụi là 138.980.000 đồng, sau khi trừ hụi chết 54.000.000 đồng, còn lại 84.980.000 đồng và bà H. đã trả được 12.000.000 đồng (bút lục 38). Như vậy, số tiền vốn thực góp còn nợ lại là 72.980.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hồng H. và ông Nguyễn Thanh T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà La Thị Kim B. số tiền vốn thực góp còn nợ 72.980.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 16, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ.

[2.2.2] Đối với yêu cầu tính lãi, nhận thấy: Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm bà Hạnh không yêu cầu tính lãi nhưng thực chất trong số tiền 108.400.000 đồng bà yêu cầu bị đơn trả đã bao gồm tiền vốn góp hụi cộng với tiền lãi hụi. Do đó, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà B. yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vốn góp còn thiếu với lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng cần điều chỉnh thời điểm tính là kể từ ngày tuyên bố vỡ hụi (tháng 8/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

Từ tháng 8/2019 (tức ngày 01/8/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 24/11/2020) là 482 ngày:

$72.980.000 \text{ đồng} \times (10\%/12\text{tháng}/30\text{ngày}) \times 482 \text{ ngày} = 9.771.211 \text{ đồng};$

Tổng cộng vốn thực góp và lãi là: 72.980.000 đồng + 9.771.211 đồng = 82.751.211 đồng.

[2.2.3] Như vậy, buộc bà Nguyễn Thị Hồng H. và ông Nguyễn Thanh T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà La Thị Kim B. số tiền hụi còn nợ (vốn thực góp và lãi) là 82.751.211 đồng

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà La Thị Kim B. phải chịu án phí đối với số tiền 2.391.789 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận; bà Nguyễn Thị Hồng H. và ông Nguyễn Thanh T. bị buộc trả nợ cho bà La Thị Kim B. nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà La Thị Kim B. không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà La Thị Kim B..

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Để thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng